

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

#### 3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Stt      | Nội dung đánh giá  |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|----------|--|--|---------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ</b>   |  |                                 |
|          | Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ.   | Nhà thầu trình bày cụ thể, chi tiết, rõ ràng tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ.  | Đạt                             |
|          |  | Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày nhưng không cụ thể, chi tiết, rõ ràng tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ.   | Không đạt                       |
| <b>2</b> | <b>Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc</b>   |  |                                 |
|          | Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc.   | Nhà thầu trình bày cụ thể, chi tiết, rõ ràng về tính chất và mục đích công việc.   | Đạt                             |
|          |  | Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày nhưng không cụ thể, chi tiết, rõ ràng về tính chất và mục đích công việc.  | Không đạt                       |
| <b>3</b> | <b>Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ</b> |  |                                 |
| 3.1      | Kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu (sơ đồ tổ chức, bố trí nhân                             | - Nhà thầu trình bày rõ ràng, đầy đủ thuyết minh kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu một cách rõ ràng, khả thi, chi tiết, phù hợp với quy định hiện hành. | Đạt                             |

|          |   |   |           |
|----------|---|---|-----------|
|          | sự, phân công công việc)  | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng được đánh giá không đầy đủ, chi tiết, phù hợp với gói thầu.  | Không đạt |
| 3.2      | Giải pháp kỹ thuật thực hiện chỉnh lý, số hóa tài liệu.   | Nhà thầu có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cụ thể, chi tiết, phù hợp với yêu cầu tại Mục 3.1; 3.2 Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.  | Đạt       |
|          |   | Nhà thầu không có thuyết minh hoặc thuyết minh nhưng không cụ thể, không chi tiết, không phù hợp với yêu cầu tại Mục 3.1 Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.                             | Không đạt |
| 3.3      | Yêu cầu về giá kế bảo quản tài liệu   | Đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.  | Đạt       |
|          |   | Không đáp ứng yêu cầu   | Không đạt |
| 3.4      | Yêu cầu về phần mềm quản lý và khai thác tài liệu lưu trữ   | - Cam kết cung cấp phần mềm quản lý và khai thác tài liệu lưu trữ theo yêu cầu tại chương V của E-HSMT.<br>- Cam kết sẵn sàng trình diễn (Demo) phần mềm theo yêu cầu từ Chủ đầu tư | Đạt       |
|          |   | Không cam kết một trong các nội dung mục 3.3  | Không đạt |
| 3.5      | Trình bày cách thức và phương tiện để giải quyết công việc trong công tác kiểm soát chất lượng đối với công việc Chỉnh lý, số hóa tài liệu. | Có Trình bày cách thức và phương tiện để giải quyết công việc trong công tác kiểm soát chất lượng đối với công việc: Chỉnh lý, số hóa tài liệu.                                     | Đạt       |
|          |   | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không khả thi, không đáp ứng yêu cầu  | Không đạt |
| 3.6      | Hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ cho cán bộ lưu trữ tại đơn vị   | Có cam kết hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ cho cán bộ lưu trữ tại đơn vị.   | Đạt       |
|          |   | Không có cam kết hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ cho cán bộ lưu trữ tại đơn vị.   | Không đạt |
| <b>4</b> | <b>Mức độ đáp ứng hệ thống bảo đảm chất lượng</b>   |   |           |
| 4.1      | Biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ, trong quá trình thực hiện.  | Nhà thầu có thuyết minh cụ thể, chi tiết, rõ ràng, khả thi, đáp ứng yêu cầu.  | Đạt       |
|          |   | Nhà thầu không có thuyết minh hoặc thuyết minh nhưng không cụ thể, không chi tiết, không rõ ràng, không khả thi, không đáp ứng yêu cầu.   | Không đạt |
| 4.2      | Biện pháp bảo đảm an toàn thông tin,  | Nhà thầu có thuyết minh cụ thể, chi tiết, rõ ràng, khả thi  | Đạt       |

|          |  |   |           |
|----------|--|---|-----------|
|          | bảo mật hồ sơ tài liệu trong quá trình thực hiện.  | Nhà thầu có giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Dịch vụ Công nghệ Thông tin trong lĩnh vực chính lý tài liệu, số hóa tài liệu lưu trữ theo tiêu chuẩn ISO 20000-1:2018 kèm theo thông báo duy trì chứng chỉ thường niên (nếu có) |           |
|          |  | Nhà thầu không có thuyết minh hoặc thuyết minh nhưng không cụ thể, không chi tiết, không rõ ràng, không khả thi,  | Không đạt |
| 4.3      | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khu vực trong quá trình thực hiện. | Nhà thầu có thuyết minh cụ thể, chi tiết, rõ ràng, khả thi, đáp ứng yêu cầu.  | Đạt       |
|          |  | Nhà thầu không có thuyết minh hoặc thuyết minh nhưng không cụ thể, không chi tiết, không rõ ràng, không khả thi, không đáp ứng yêu cầu.   | Không đạt |
| <b>5</b> | <b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ</b>  |   |           |
|          | Hoạt động dịch vụ lưu trữ theo Điều 53 và Điều 54 Luật Lưu trữ ngày 21/6/2024                                  | Nhà thầu đáp ứng yêu cầu  | Đạt       |
|          |  | Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu  | Không đạt |
| <b>6</b> | <b>Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT</b>   |   |           |
| 6.1      | Tiến độ thực hiện gói thầu.  | Nhà thầu có tiến độ $\leq 120$ ngày.  | Đạt       |
|          |  | Nhà thầu có tiến độ $> 120$ ngày.   | Không đạt |
| 6.2      | Bảng tiến độ thực hiện gói thầu.   | Nhà thầu có bảng tiến độ thực hiện chi tiết và biểu đồ bố trí nhân lực với thời gian thực hiện từng bước các công việc hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật.   | Đạt       |
|          |  | Không đáp ứng yêu cầu trên  | Không đạt |
| <b>7</b> | <b>Uy tín nhà thầu</b>   |   |           |
|          | Uy tín nhà thầu.   | Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào.<br>Nhà thầu không bị chủ đầu tư hoặc cơ quan tổ chức nào kết luận là nhà thầu có hành vi không trung thực trong hồ sơ dự thầu.    | Đạt       |
|          |  | Nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào.   | Không đạt |

|  |                 |   |                  |
|--|-----------------|---|------------------|
|  |                 | Nhà thầu bị chủ đầu tư hoặc cơ quan tổ chức nào kết luận là nhà thầu có hành vi không trung thực trong hồ sơ dự thầu. |                  |
|  | <b>Kết luận</b> | <b>Tất cả các tiêu chí trên được xác định là Đạt</b>  | <b>Đạt</b>       |
|  |                 | <b>Một trong các tiêu chí trên được xác định Không đạt</b>  | <b>Không đạt</b> |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT: Không cho phép**

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có) : không có**

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.